TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYÊN HA HÒA- TỈNH PHÚ THO	**Độc lập - Tự do-Hanh phúc**

Bản án số: 32/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 05 năm 2018.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Mạnh Tiến.
- Các Hội thẩm nhân dân : - Ông Nguyễn Văn Sáng.
  - Ông Trương Văn Bình.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký tòa án.
- Đại diện VKSND huyên Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
  - Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 05 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyệnHòa , tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/ 2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2018/ TBPT-TA ngày 08 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ tại: Khu 4 xã H1, huyện H2, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T trình bày*:*

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Mai H ngày 19/10/1991 được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện H2, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày kết hôn anh và chị H về nhà bố mẹ đẻ anh ăn chung, ở chung tại khu 4 xã H1, huyện H2, tỉnh Phú Thọ. Được khoảng 03 năm sau thì vợ chồng anh ở riêng tại khu 4 xã H1, huyện H2, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được quan điểm làm ăn nên phát sinh nhiều mâu thuẫn khác. Đến khoảng năm 2010 chị H đi làm ăn

ở xa, không thường xuyên về nhà , anh và chị H sống ly thân, chấm dứt dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống của bản thân.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nữ Thùy T2 sinh ngày 15/12/1991 và cháu Nguyễn Hoài N sinh ngày 16/7/1997. Hiện hai cháu T và N đã thành niên nên anh không đặt ra yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ cho vay chung, công sức đóng góp: Anh T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T nhận nộp theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.
- Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập báo gọi chị H đến để hòa giải giải quyết theo quy định nhưng chị H đều không có mặt. Qua thẩm định làm việc xác minh tại địa phương nơi cư trú cùng chính quyền UBND xã H1, huyện H2 nhưng chị H đều cố tình không có mặt làm việc với Tòa án và chính quyền địa phương. Mẹ đẻ chị H là bà Đào Thị T1 hiện đang trú tại khu 8 thị trấn H3, huyện H2, tỉnh Phú Thọ và chính quyền UBND thị trấn H3, huyện H2, tỉnh Phú Thọ xác nhận trong thời gian chị H và anh T sống ly thân khoảng năm 2010 chị H đã về nhà bà T1 sinh sống nhưng không làm thủ tục tạm trú tại khu 8 thị trấn H3, huyện H1, tỉnh Phú Thọ, trong quá trình giải quyết vụ án chị H đi làm ăn ở xa nhà, không có mặt ở địa phương, bà T1 đã nhận đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án và thông báo phiên họp, phiên hòa giải, thông báo phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa đã thông báo và giao cho chị H các văn bản giấy tờ trên nhưng chị H không đến làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của chính quyền địa phương xã H1, huyện H2, tỉnh Phú Thọ và bà Đào Thị T1 là mẹ đẻ chị H đề nghị tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai quan điểm trình bày của anh Nguyễn Văn T được thẩm tra tại phiên tòa nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị Nguyễn Thị Mai H đến tham gia hòa giải theo quy định, chị H hiện đang đi làm ăn xa nhà, không có mặt ở địa phương. Bà Đào Thị T1 là mẹ đẻ của chị H đã nhận và giao tận tay cho chị H thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, thông báo phiên họp, phiên hòa giải, thông báo phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa nhưng chị H đều cố tình không đến làm việc, căn cứ vào điều 207 - BLTTDS việc giải quyết vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T kết hôn với chị H năm 1991 được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân tiến bộ hợp pháp. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được quan điểm làm ăn nên phát sinh nhiều mâu thuẫn khác. Đến khoảng năm 2010 chị H đi làm ăn ở xa, không thường xuyên về nhà , anh T và chị H sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay như nội dung quá trình giải quyết anh T đã trình bày và Tòa án đã điều tra xác minh tại địa phương xã H1, huyện H2, tỉnh Phú Thọ.

Toà án đã thụ lý hồ sơ và triệu tập các bên đương sự đến trụ sở TAND huyện Hạ Hoà để giải quyết vụ án nhưng chị H đều không có mặt để giải quyết. Quá trình thẩm định xác minh làm việc tại địa phương xã H1, huyện H2 nơi chị H đang cư trú đã cung cấp: Hiện chị H vẫn đang có hộ khẩu tại địa phương nhưng khoảng năm 2010 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại khu 8 thị trấn H3, huyện H2 ở từ đấy cho đến nay không trở về địa phương nên việc chị H ở đâu và làm gì chính quyền địa phương không biết được. Qua làm việc với chính quyền địa phương thị trấn H3, huyện H2, tỉnh Phú Thọ đã cung cấp: Sau khi kết hôn với anh T chị H đã chuyển khẩu về xã H1, huyện H2, tỉnh Phú Thọ, khoảng năm 2010 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ là bà Đào Thị T1 tại khu 8 thị trấn H3, huyện H2, tỉnh Phú Thọ ở nhưng không làm thủ tục tạm trú tại địa phương nên hiện tại chị H đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không biết được. Bà Đào Thị T1 là mẹ đẻ của chị H cũng xác nhận hiện tại chị H đang ở cùng với bà tại khu 8 thị trấn H3, huyện H2, tỉnh Phú Thọ nhưng hiện tại chị đang đi làm ăn ở xa thỉnh thoảng mới về nhà. Các lần báo gọi làm việc của Tòa án, của chính quyền do chính bà T1 đã xác nhận đã thông báo nội dung và giao cho chị H thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp, phiên hòa giải, thông báo phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa của tòa án. Quan điểm của chính quyền địa phương xã H1, của bà T1 đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ các quy định của pháp luật, toà án xét xử cho anh T được ly hôn vắng mặt chị H khi mở lại phiên tòa là phù hợp với pháp luật với điều kiện thực tế của cuộc hôn nhân.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nữ Thùy T2 sinh ngày 15/12/1991 và cháu Nguyễn Hoài Nam sinh ngày 16/7/1997. Hiện tại hai cháu T2 và N đã thành niên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ cho vay chung công sức đóng góp: Anh T xác nhận vợ chồng không có không yêu cầu đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay chị H vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của chị H nếu có yêu cầu đề nghị, có căn cứ pháp luật

thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: - Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận đã nộp đủ). - Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

- Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quá trình thụ lý, trình tự giải quyết vụ án đã tiến hành đúng theo thủ tục tố tụng quy định của pháp luật. Đề nghị tòa án xét xử cho anh T được ly hôn vắng mặt với chị H. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh T xác nhận không có không yêu cầu đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay chị H vắng mặt, nếu sau này có phát sinh tranh chấp có yêu cầu và có căn cứ pháp luật thì sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí LHST: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH ;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình , khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227**,** khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Nữ Thùy T2 sinh ngày 15/12/1991 và cháu Nguyễn Hoài N sinh ngày 16/7/1997, hiện nay hai cháu T2 và N đã thành niên, anh T không có yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ cho vay chung công sức đóng góp:

Anh T xác nhận vợ chồng không có không yêu cầu đề nghị giải quyết. Nhưng hiện nay chị H vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp khi có mặt của chị H nếu có yêu cầu đề nghị, có căn cứ pháp luật thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

-Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu số 0003386 ngày 02/ 01/2018 (Xác nhận đã nộp đủ).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm anh T có mặt được quyền kháng cáo, chị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã H1, huyện H2 tỉnh Phú Thọ nơi cư trú, lên TAND tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm .

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Hạ Hòa
- CC THA dân sự huyện Hạ Hòa
- Lưu HS – VP
- UBND xã H1

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tô Mạnh Tiến